

Số: 286 /CV-VPC

V/v Kế khai giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 09 năm 2024

Kính gửi: Cảng vụ hàng hải Quảng Ninh

Thực hiện quy định tại Luật Giá số 16 ngày 19 tháng 6 năm 2023, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/05/2024 của Bộ Giao thông Vận tải quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam.

Căn cứ quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01/07/2024 của Bộ giao thông vận tải về ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển Việt Nam.

Công ty cổ phần Hoa tiêu hàng hải – TKV kính gửi Bảng kê khai mức giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải (có phụ lục đính kèm).

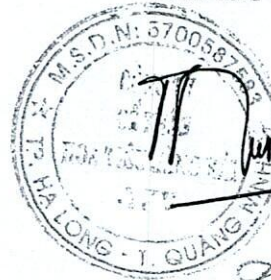
Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/10/2024.

Công ty cổ phần Hoa tiêu Hàng hải - TKV xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./. *chữ*

Nơi nhận:

- Như kính gửi(b/c).
- HĐQT, BKS(b/c).
- Lưu: VT,HTHH

GIÁM ĐỐC



Trần Đạo

- Họ tên người nộp văn bản: Đỗ Trọng Hiệp
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Phố Hàng Than, Phường Hồng Gai, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại liên lạc: 0983843088
- Email: tkv.hthh@gmail.com
- Số fax: 02033 811 919

Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá
của cơ quan tiếp nhận

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 09 năm 2024

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 286 /CV-VPC ngày 30 tháng 09 năm 2024 của Công ty Cổ phần Hoa tiêu Hàng hải – TKV về việc kê khai giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải)

1. Mức giá kê khai giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá	Giá kê khai kỳ liền kề trước (Số 243/CV-VPC)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
1	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải mã khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý	Đồng/GT	Bán lẻ	64,80	64,80	01/10/2024	0	0%	
2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với các loại tàu thuyền trên các tuyến còn lại	Đồng/GT/HL	Bán lẻ	27,0	27,0	01/10/2024	0	0%	
3	Tính theo lượt dẫn tàu: Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải nội địa tính theo lượt dẫn tàu	Đồng	Bán lẻ	2.160.000	2.160.000	01/10/2024	0	0%	
4	Trường hợp giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải tính theo đơn giá tại điểm 1, 2 thấp hơn giá theo	Đồng	Bán lẻ	2.160.000	2.160.000	01/10/2024	0	0%	

Chữ

	lượt dẫn tàu quy định tại điểm 3, thì giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải tính theo quy định tại điểm 3											
5	Hủy bỏ yếu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi theo mức như sau: - Hoa tiêu - Hoa tiêu và phương tiện	Bán lẻ	Đồng/giờ/người Đồng/giờ/người và phương tiện	32.400 216.000	32.400 216.000	80% theo giá mới quy định tại điểm 1, 2, 3	80% theo giá mới quy định tại điểm 1, 2, 3	01/10/2024	0 0	0% 0%		
6	Hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 04 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã hủy bỏ	Bán lẻ	Đồng/GT/HL			80% theo giá mới quy định tại điểm 1, 2, 3	80% theo giá mới quy định tại điểm 1, 2, 3	01/10/2024	0	0%		
7	Hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hoa tiêu hủy bỏ hoa tiêu	Bán lẻ	Đồng/GT/HL			80% theo giá mới quy định tại điểm 1, 2, 3	80% theo giá mới quy định tại điểm 1, 2, 3	01/10/2024	0	0%		
8	Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc, thiết bị hiệu chính la bàn	Bán lẻ	Đồng/GT/HL			110% mức giá mới quy định tại điểm 1, 2, 3	110% mức giá mới quy định tại điểm 1, 2, 3	09/08/2024	0	0%		
9	Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật	Bán lẻ	Đồng/GT/HL			150% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3	150% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3	01/10/2024	0	0%		

10	Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất	Đồng/GT/HL	Bán lẻ	110% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3	110% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3	0	0%	
11	Hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng (có xác nhận của cảng vụ hàng hải)	Đồng/GT/HL	Bán lẻ	2.160.000 đồng /1 lượt dẫn tàu	2.160.000 đồng /1 lượt dẫn tàu	0	0%	
12	Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) chủ tàu phải trả chi phí phương tiện	Đồng/tàu/1 lần	Bán lẻ	324.000	324.000	0	0%	
13	Tàu thuyền đã đến vị trí chờ hoa tiêu theo đúng giờ đã yêu cầu được cảng vụ hàng hải khu vực và tổ chức hoa tiêu chấp thuận mà hoa tiêu chưa tới, khiến tàu phải chờ đợi thì tổ chức hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi cho chủ tàu	Đồng/giờ	Bán lẻ	270.000	270.000	0	0%	
14	Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chờ khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tàu/tháng	Đồng/GT/HL	Bán lẻ	80% mức giá quy định tại điểm 1, 2 từ chuyến thứ 4 trở đi	80% mức giá quy định tại điểm 1, 2 từ chuyến thứ 4 trở đi	0	0%	
15	Tàu thuyền chờ khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng	Đồng/GT/HL	Bán lẻ	50% mức giá quy định tại điểm 1, 2 từ chuyến thứ 4 trở đi	50% mức giá quy định tại điểm 1, 2 từ chuyến thứ 4 trở đi	0	0%	
16	Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng	Đồng/GT	Bán lẻ	64,8	64,8	0	0%	

	trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng									
17	Tàu thuyền vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bốc dỡ hàng hóa, không đón trả khách	Đồng/GT/HL	Bán lẻ	70% mức giá quy định tại điểm 1, 2	70% mức giá quy định tại điểm 1, 2	01/10/2024	0	0%		

2. Mức giá kê khai giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá	Giá kê khai liên kỳ trước (Số 206/CV-VPC)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
1	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT (kể cả tàu đánh bắt cá)	USD/1 lượt dẫn tàu	Bán lẻ	43,2	43,2	01/10/2024	0	0%	
2	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý	USD/GT	Bán lẻ	0,0162	0,0162	01/10/2024	0	0%	
3	Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu ngoài các trường hợp trên, giá dịch	USD/GT/HL	Bán lẻ			01/10/2024			

STT	Mô tả chi tiết hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị tính thuế	Giá trị không thuế	Tỷ lệ %
1	Hàng hóa nhập khẩu	kg	1000	1000000	1000000	100%
2	Dịch vụ vận chuyển	km	100	100000	100000	100%
3	Hàng hóa xuất khẩu	kg	500	500000	500000	100%
4	Tổng cộng		1600	1600000	1600000	100%

	lý				0,0007128 0,000486	0,0007128 0,000486					
	- Trên 10 hải lý đến 30 hải lý - Trên 30 hải lý										
5	Tính theo lượt dẫn tàu: -Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo lượt dẫn quy định tại mục 2 -Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo lượt dẫn quy định tại mục 3	USD/Lượt USD/Lượt	Bán lẻ	108 324	108 324		01/10/2024	0	0%		
6	Trường hợp hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi - Hoa tiêu - Hoa tiêu và phương tiện	USD/giờ/người USD/giờ/người và phương tiện	Bán lẻ	10,8 21,6	10,8 21,6		01/10/2024	0	0%		
7	Hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 04 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã hủy bỏ	USD/GT/HL	Bán lẻ	80% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3, 4	80% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3, 4		01/10/2024	0	0%		
8	Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc thiết bị, hiệu chỉnh la bàn	USD/GT/HL	Bán lẻ	110% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3, 4	110% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3, 4		01/10/2024	0	0%		

9	Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật	USD/GT/HL	Bán lẻ	150% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3, 4	150% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3, 4	01/10/2024	0	0%	
10	Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất	USD/GT/HL	Bán lẻ	110% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3, 4	110% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3, 4	01/10/2024	0	0%	
11	Hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng (có xác nhận của cảng vụ hàng hải)	USD/tàu/Lượt	Bán lẻ	324	324	01/10/2024	0	0%	
12	Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người vận chuyển phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu	USD/tàu/Lượt	Bán lẻ	32,4	32,4	01/10/2024	0	0%	
13	Tàu thuyền đã đến vị trí chờ hoa tiêu theo đúng giờ đã yêu cầu được cảng vụ hàng hải khu vực và tổ chức hoa tiêu chấp thuận mà hoa tiêu chưa tới, khiến tàu phải chờ đợi thì tổ chức hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi cho chủ tàu	USD/giờ	Bán lẻ	108	108	01/10/2024	0	0%	
14	Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyển/tàu/tháng	USD/GT/HL	Bán lẻ	80% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3, 4 từ chuyển thứ 4 trở đi	80% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3, 4 từ chuyển thứ 4 trở đi	01/10/2024	0	0%	

Chú

15	Tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/ tháng	USD/GT/HL	Bán lẻ	4 trở đi 50% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3, 4 từ chuyến thứ 4 trở đi	50% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3, 4 từ chuyến thứ 4 trở đi	01/10/2024	0	0%	
16	50% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3, 4 từ chuyến thứ 4 trở đi	USD/GT/HL	Bán lẻ	40% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3, 4	40% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3, 4	01/10/2024	0	0%	
17	Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng	USD/GT	Bán lẻ	0,0162	0,0162	01/10/2024	0	0%	
18	Tàu thuyền vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bóc dỡ hàng hóa, không đón trả khách	USD/GT/HL	Bán lẻ	70% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3, 4	70% mức giá quy định tại điểm 1, 2, 3, 4	01/10/2024	0	0%	

3. Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền áp dụng thuế VAT 0%

Mức giá kê khai mới bằng giá trị tại cột (6) chia (1+0,08). Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi thuế suất thuế GTGT thì công ty thực hiện thay đổi theo quy định.

4. Mức thuế giá trị gia tăng đã bao gồm trong giá: 8%

5. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

Công ty CP Hoa tiêu hàng hải – TKV thực hiện kê khai lại giá dịch vụ hoa tiêu theo văn bản số 1013/CVHHQN-TTTT ngày 24/9/2024 của cảng vụ hàng hải Quảng Ninh về việc triển khai công tác kê khai giá dịch vụ tại cảng biển. Các mức giá kê khai (sau khi tách thuế GTGT) vẫn nằm trong mức giá tối đa quy định tại quyết định số 814/QĐ-BGTVT ban hành ngày 01 tháng 07 năm 2024 về Ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển Việt Nam

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/10/2024. *Chu*

583
P.11/10/24